

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày 16 - 9 - 2022
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ramh In; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31A/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đậu Quang L, sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: TDP B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông L và bà L: ông Y Ti N Knõng, theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022.

Địa chỉ: Buôn Đắk J, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Thanh P, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Tấn K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Thanh P, xã Hòa S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.
(Bà Trần Thị S và ông Trần Tấn K đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L, trình bày:

Quá trình buôn bán với nhau và quen biết, chúng tôi có cho bà Trần Thị S vay tiền làm nhiều lần như sau:

Lần 1: Ngày 29/01/2019 cho vay 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là một tháng, ngày trả nợ là 28/02/2019.

Lần 2: Ngày 01/02/2019 cho vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), hẹn ngày trả nợ là 11/02/2019.

Lần 3: Ngày 16/02/2019 cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), hẹn ngày trả nợ là 16/3/2019.

Lần 4: Ngày 07/3/2019 cho vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), hẹn ngày trả nợ là 15/3/2019.

Tất cả 04 lần vay chúng tôi đều lập giấy viết tay, có bà S ký nhận, mục đích cho bà S vay để lấy hàng buôn bán, do cho vay thời hạn ngắn từ 07 ngày đến 01 tháng nên chúng tôi không thỏa thuận lãi suất. Do tất cả các khoản nợ đều đã quá hạn, chúng tôi đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà S trốn tránh không chịu trả tiền.

Do các khoản vay quá hạn trả nợ đã lâu nên chúng tôi yêu cầu bà S phải trả cho tôi lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày tiếp theo của ngày quá hạn trả nợ đến ngày làm đơn khởi kiện:

Lần 1: Ngày 29/01/2019 cho vay 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là một tháng, ngày trả nợ là 28/02/2019. Tính lãi từ ngày 01/3/2019 đến hết ngày 31/10/2021 là 31 tháng: $(10\% : 12 \text{ tháng} \times 1.100.000.000\text{đ} \times 31 \text{ tháng} = 284.166.666\text{đ})$.

Lần 2: Ngày 01/02/2019 cho vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), hẹn ngày trả nợ là 11/02/2019. Tính lãi từ ngày 12/02/2019 đến hết ngày 31/10/2021 là 32 tháng 20 ngày: $(10\% : 12 \text{ tháng} \times 350.000.000\text{đ} \times 32 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 95.277.777\text{đ})$.

Lần 3: Ngày 16/02/2019 cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), hạn ngày trả nợ là 16/3/2019. Tính lãi từ ngày 17/3/2019 đến hết ngày 31/10/2021 là 31 tháng 15 ngày: $(10\% : 12 \text{ tháng} \times 500.000.000\text{đ} \times 31 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 131.249.999\text{đ})$.

Lần 4: Ngày 07/3/2019 cho vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), hạn ngày trả nợ là 15/3/2019. Tính lãi từ ngày 16/3/2019 đến hết ngày 31/10/2021 là 31 tháng 16 ngày: $(10\% : 12 \text{ tháng} \times 160.000.000\text{đ} \times 31 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 42.044.444\text{đ})$.

Mặc dù quá trình vay chỉ có bà S ký nhận nợ nhưng việc vay ông Trần Tấn K là chồng bà S đều biết và các khoản vay đều được sử dụng vào việc phục vụ cho việc kinh doanh hải sản của gia đình nên chúng tôi yêu cầu ông Trần Tấn K cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà S trả nợ.

Nay chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị S và ông Trần Tấn K phải có trách nhiệm liên đới trả cho chúng tôi số tiền nợ là 2.662.738.886 đồng (*Hai tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám sáu đồng*). Trong đó: nợ gốc là 2.110.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến hết ngày 31/10/2021 là 552.738.886 đồng.

Bị đơn và người liên quan: ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S không có mặt tại nơi cư trú nên không thể làm việc được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh P, xã S, huyện B. Tuy nhiên, ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S hiện nay không có mặt tại địa phương, Khi đi khỏi địa phương, ông K và bà S không có thông báo cho chính quyền địa phương nên hiện nay ông K và bà S đang sinh sống ở đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết.

Ngày 26/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 01/2022/QĐ-TA để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S trong thời hạn 01 tháng. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (theo các số báo 21854, 21855, 21856 vào các ngày 14, 15, 16/02/2022 của Báo Quân đội). Thông báo tìm kiếm trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần vào các ngày 14, 15, 16/02/2022. Đến nay đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định tại khoản 2 Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức gì về ông Trần Tấn

K và bà Trần Thị S.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông K và bà S đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ngày 20/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã có quyết định trưng cầu giám định Chữ ký và chữ viết “Trần Thị S” của bà Trần Thị S trong tài liệu giám định và tài liệu mẫu so sánh có phải là chữ ký và chữ viết “Trần Thị S” của cùng một người ký và viết ra hay không?

Tại bản giám định số 81/KL-KTHS ngày 29/5/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị S” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một ký và viết ra.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Y Ti N Knõng, trình bày: ông L và bà L khởi kiện yêu cầu HĐXX buộc bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Đâu Quang L và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ là 2.662.738.886 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.110.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến hết ngày 31/10/2021 là 552.738.886 đồng (chi tiết theo đơn khởi kiện); Lãi suất phát sinh tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 16/9/2022 là 10 tháng 16 ngày: $10\% : 12 \text{ tháng} \times 2.110.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 269.610.110 \text{ đồng}$.

Do ông K không ký nhận giấy vay tiền, cũng không chứng minh được bà S vay tiền về sử dụng vào mục đích gì nên tôi xin rút phần yêu cầu ông K cùng liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa bị đơn Trần Thị S, người liên quan Trần Tấn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho

Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn cố tình vắng mặt không hợp tác làm việc.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định bà Trần Thị S có ký giấy vay của ông L và bà L số tiền gốc 2.110.000.000 đồng, khi vay có ký giấy vay và đã được giám định đúng là chữ ký và chữ viết của bà S ký ra nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.932.348.996 đồng.

Đối với ông Trần Tấn K là chồng của bà Trần Thị S, trong tất cả các giấy vay tiền chỉ có một mình bà S ký, không có căn cứ để yêu cầu ông K cùng có trách nhiệm với bà S trả nợ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với việc yêu cầu ông Trần Tấn K cùng liên đới trả nợ.

Bà Trần Thị S phải chịu tiền án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L với bà Trần Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Các văn bản tố tụng và quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong năm 2019 ông Đậu Quang L và Nguyễn Thị L có cho bà Trần Thị S vay tiền nhiều lần: Lần 1: Ngày 29/01/2019 cho vay 1.100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là một tháng, ngày trả nợ là 28/02/2019; Lần 2: Ngày 01/02/2019 cho vay 350.000.000 đồng, hẹn ngày trả nợ là 11/02/2019; Lần 3: Ngày 16/02/2019 cho vay 500.000.000 đồng, hẹn ngày trả nợ là 16/3/2019; Lần 4: Ngày 07/3/2019 cho vay 160.000.000 đồng, hẹn ngày trả nợ là 15/3/2019.

Tất cả 04 lần vay các bên đều lập giấy viết tay, có bà S ký nhận, mục đích cho bà S vay để lấy hàng buôn bán, do cho vay thời hạn ngắn từ 07 ngày đến 01 tháng nên các bên không thỏa thuận lãi suất. Do tất cả các khoản nợ đều đã quá hạn từ lâu, ông L và bà L đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà S trốn tránh không chịu trả tiền. Do các khoản vay đều đã quá hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bà S phải trả lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày tiếp theo của ngày quá hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần Tấn K và bà Trần Thị S bỏ đi khỏi nơi cư trú, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương, đi đâu không ai biết địa chỉ. Hiện nay ông K và bà S vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn Thanh P, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, ông K và S là người vay khi thay đổi nơi cư trú phải có nghĩa vụ thông báo cho người cho vay địa chỉ nơi cư trú mới của mình nhưng ông K và bà S không thực hiện, cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú mới. Trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với 04 tờ giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị S, đã được Tòa án trưng cầu giám định tại phòng kỹ thuật hình sự Công

an tỉnh Đắk Lắk cùng với mẫu chữ ký và chữ viết của bà S khi ký kết hợp đồng tín dụng và giấy ủy quyền được chứng thực và lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã S. Kết quả các chữ ký chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký chữ viết được thu thập để làm mẫu giám định đều do một người là Trần Thị S viết và ký ra.

Đối với cả 04 khoản nợ đều có viết giấy vay tiền và được Cơ quan kỹ thuật hình sự giám định do bà Trần Thị S ký và viết ra nên việc vợ chồng ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Trần Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông L và bà L khoản nợ gốc 2.110.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: trong giấy vay nợ không có ghi tiền lãi, ông L và L cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay và các khoản vay đều đã quá hạn nên vợ chồng ông L yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà S phải trả. Các khoản vay tính lãi từ ngày quá hạn đến hết ngày 31/10/2021 là 552.738.886 đồng; Lãi suất tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 16/9/2022 là 10 tháng 16 ngày. $10\% : 12 \text{ tháng} \times 2.110.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 269.610.110 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 822.348.996 đồng.

[3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Tấn K cùng liên đới trả nợ, do nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

[4] Về chi phí giám định chữ ký và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L 9.625.000 đồng (*chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký và tiền đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú mà ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là $(72.000.000đ + (932.348.996đ \times 2\%)) 90.646.980 \text{ đồng}$. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều

147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 là 2.932.349.000 đồng (*Hai tỷ chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Trong đó nợ gốc: 2.110.000.000 đồng; lãi suất tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 822.349.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định chữ ký và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L 9.625.000 đồng (*chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký và đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú mà ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 90.647.000 đồng (*Chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Ông Đậu Quang L và bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không đặt ra để giải quyết.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi